

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-PT

Ngày 14/9/2026

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú

Bà Nguyễn Duy Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2026/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 55/2026/HNGĐ-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên bị kháng cáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Hoàng Trọng C**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên** (*vắng mặt*).

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1995; Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn D, xã V, tỉnh Hưng Yên**; hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. (*vắng mặt*)

Do có kháng cáo của chị **Trần Thị H**

I. NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai của nguyên đơn anh **Hoàng Trọng C** trình bày cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: Anh và chị **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2019 tại **UBND xã V, tỉnh Hưng Yên**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng vào năm 2023, nên đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị **H**, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **Trần Thị H**. Về con chung: Anh và chị **Trần Thị H** có 02 con chung là cháu **Hoàng Trọng Minh K**, sinh ngày 26/01/2020 và cháu **Hoàng Trọng Duy K1**, sinh ngày 05/02/2021, anh đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và yêu cầu chị **H** cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, sau đó bằng văn bản trình bày ý kiến anh thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chị **H** cấp dưỡng mỗi con 2.500.000 đồng/01 tháng, tổng 02 con là 5.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh và chị **Trần Thị H** không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

*** Tòa án thụ lý và đã gửi các văn bản cho bị đơn là chị **Trần Thị H**, chị **H** vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và không có văn bản, tài liệu nào cung cấp.**

*** Biên bản ghi lời khai ông **Trần Văn T**, sinh năm 1969, trú tại **thôn D, xã V, tỉnh Hưng Yên** (bố đẻ chị **H**):**

Về điều kiện kết hôn giữa anh **Hoàng Trọng C** và chị **Trần Thị H** như anh **C** trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị **H** ở cùng với gia đình anh **C**. Đến tháng 01/2020, sau khi chị **H** sinh con để thuận tiện cho việc chăm sóc con và được sự đồng ý của hai bên gia đình, chị **H** đã cùng con về nhà ông sinh sống. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được trong công việc nên anh **C** thay đổi công việc khác. Sau đó đến năm 2023 anh chị thống nhất làm thủ tục đi Nhật Bản. Đến tháng 9/2023 chị **H** đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, cụ thể địa chỉ của chị **H**, ông không biết. Anh **C** có đơn xin ly hôn chị **H**, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh **C** và chị **H** có hai con chung như anh **C** trình bày. Hiện cháu **Hoàng Trọng Minh K** đang ở với vợ chồng ông còn cháu **Hoàng Trọng Duy K1** đang ở với anh **C**. Ly hôn ông đề nghị giao cả hai cháu cho ông bà nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh **C** và chị **H** không có tài sản chung, anh chị không đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình ông.

Sau khi nhận được Thông báo án thụ lý của Tòa án, ông đã thông tin cho chị **H** và ông có thông báo về việc Tòa án yêu cầu chị **H** cung cấp địa chỉ hiện chị đang sinh sống tại Nhật Bản, nhưng chị **H** không có địa chỉ cụ thể, nên không cung cấp được cho Tòa án. Ông đề nghị các văn bản Tòa án gửi cho chị **H**, gửi về địa chỉ của gia đình ông, ông có trách nhiệm thông báo lại cho chị **H**. Về quan điểm về hôn nhân, chị **H** đồng ý ly hôn anh **C**. Về con chung chị đề nghị giao mỗi người nuôi một con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung: Chị và anh **C** không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*** Biên bản xác minh tại UBND xã V, tỉnh Hưng Yên:**

Về điều kiện kết hôn giữa anh **C** và chị **H** như anh **C** trình bày. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà anh **C** tại **thôn H, xã V**. Sau đó anh chị về nhà bố mẹ đẻ chị **H** sinh sống do thời điểm đó chị **H** mang bầu. Quá trình anh chị chung sống, địa phương không thấy có mâu thuẫn gì để phải hoà giải. Hiện chị **H** đã đi xuất khẩu lao động cụ thể nước nào thì địa phương không rõ. Anh **C** có đơn ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh **C** trình bày. Hiện cháu **K** đang ở với bố mẹ đẻ chị **H** còn cháu **K1** đang ở với anh **C**. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Về tài sản: Địa phương không nắm được anh chị có tài sản chung gì. Anh chị không vay cơ quan, tổ chức nào tại địa phương.

*** Biên bản xác minh và bản trình bày của ông **Hoàng Trọng Q**, sinh năm 1966, trú tại **thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên** (bố đẻ anh **C**).**

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình ông thời gian ngắn thì về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống. Đến năm 2023 thì anh C thông báo chị H bỏ đi đâu không rõ, anh C và cháu K1 về nhà ông sinh sống còn cháu K đang ở cùng bố mẹ đẻ chị H. Anh C có đơn ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Từ nhiều năm nay, anh C và chị H đã sống ly thân, không còn chung sống cùng nhau. Sau khi chị H đi lao động tại Nhật Bản, chị H đã cắt đứt hoàn toàn liên lạc với anh C.

Về con chung: Anh C và chị H có 02 con như anh C trình bày là đúng. Hiện cháu K1 đang ở anh C, cháu K đang ở cùng bố mẹ đẻ chị H. Đề nghị Tòa án giao cháu K1 cho anh C nuôi dưỡng, tạm giao cháu K cho bố mẹ đẻ chị H chăm sóc trong thời gian chị H không có mặt tại địa phương, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Gia đình ông hỗ trợ anh C trong việc chăm sóc cháu K1. Từ khi chị H bỏ đi không có trách nhiệm với con, không gửi tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao các con cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Gia đình tôi hỗ trợ chỗ ở ổn định, lâu dài cho anh C và các cháu, ngoài ra hỗ trợ về kinh tế trong khả năng của mình để cùng anh C đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập, y tế cho các cháu và hỗ trợ thời gian, công sức trong việc đưa đón, trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu khi anh C đi làm hoặc khi cần thiết để đảm bảo toàn diện về mọi mặt cho các cháu. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung. Anh chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung với gia đình ông.

*** Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập khẩu Công an tỉnh H thể hiện:** Chị Trần Thị H xuất cảnh ngày 04/5/2025 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại Bản án sơ thẩm 55/2026/HNGĐ-ST ngày 07/4/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7, Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Hoàng Trọng C và chị Trần Thị H.

[2] Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là cháu Hoàng Trọng Minh K, sinh ngày 26/01/2020 và cháu Hoàng Trọng Duy K1, sinh ngày 05/02/2021 cho anh Hoàng Trọng Cương trực tiếp T1 nuôi dưỡng. Chị Trần Thị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho anh C với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng/ 01 con (4.000.000 đồng/01 tháng/02 con) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Chị **Trần Thị H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh **Hoàng Trọng C** và chị **Trần Thị H** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quan hệ hôn nhân, quan hệ tài sản, án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/4/2026 chị **Trần Thị H** kháng cáo về phần quan hệ con chung, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho chị nuôi cả 2 con chung, chị không yêu cầu anh **C** phải cấp dưỡng nuôi con hoặc giao con **Hoàng Trọng Minh K**, sinh ngày 26/01/2020 cho chị nuôi dưỡng, chị đồng ý để cho anh **C** nuôi con **Hoàng Trọng Duy K1**.

Tại phiên toà, ông **Trần Văn T**, bố đẻ của chị **H** trình bày chị **H** có đơn đề nghị xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn kháng cáo đã nộp cho Toà án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao con **Hoàng Trọng Minh K** cho chị **H** nuôi dưỡng; giao con chung **Hoàng Trọng Duy K1** cho anh **C** nuôi dưỡng. Trong thời gian chị **H** đang lao động ở xa, vợ chồng ông sẽ nuôi dưỡng cháu **K** thay chị **H**.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị **Trần Thị H**, sửa bản án sơ thẩm, giao con chung **Hoàng Trọng Duy K1** cho anh **Hoàng Trọng C** nuôi dưỡng và giao con **Hoàng Trọng Minh K** cho chị **Trần Thị H** nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về đơn kháng cáo: Kháng cáo của chị **Trần Thị H** trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị **H** có đơn kháng cáo và đang lao động ở nước ngoài và xin vắng mặt, ông **Trần Văn T** là bố đẻ chị **H** có mặt để trình bày; anh **C** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, kết quả xác minh hiện anh **C** đã xuất cảnh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt anh **C**, chị **H** theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

Anh **Hoàng Trọng C** và chị **Trần Thị H** đều thống nhất anh chị có 02 con chung là cháu **Hoàng Trọng Minh K**, sinh ngày 26/01/2020 và cháu **Hoàng Trọng Duy K1**, sinh ngày 05/02/2021. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm anh **C** có mặt và trình bày

nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, chị H hiện không có mặt tại địa phương nên Toà án cấp sơ thẩm giao con chung cho anh C nuôi dưỡng và buộc chị H phải nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con (4.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Chị H kháng cáo xin nuôi cả hai con vì cả anh C, chị H đều đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản từ năm 2022 và đã gửi con cho bố mẹ chị là ông Trần Văn T nuôi dưỡng từ đó cho đến khi ly hôn thì anh C mới đón con Hoàng Trọng Duy K1 nuôi dưỡng, còn con Hoàng Trọng Minh K hiện chị đang nuôi dưỡng, vì chị đi lao động nên nhờ bố mẹ chị nuôi dưỡng, chị vẫn thường xuyên liên lạc và gửi tiền về nuôi con. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, kết quả xác minh thể hiện hiện cháu Hoàng Trọng Duy K1 do bố mẹ của anh C nuôi dưỡng, còn con Hoàng Trọng Minh K hiện bố mẹ chị H nuôi dưỡng, bố mẹ anh C đề nghị Toà án giao cháu K1 cho anh C nuôi dưỡng, tạm giao cháu K cho bố mẹ để chị H chăm sóc. Theo văn bản trả lời số 1956/PA08 ngày 14/8/2026 của Phòng Q1 Công an tỉnh H thể hiện anh Hoàng Trọng C xuất cảnh ngày 12/7/2026 qua sân bay quốc tế N, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Như vậy, hiện cả anh C, chị H đều đang lao động ở nước ngoài, các con đều nhờ ông bà nội, ngoại mỗi bên nuôi một cháu, các cháu đều có sức khỏe ổn định, phát triển bình thường, các bên nội ngoại đều đồng ý và đề nghị Toà án giao con của anh C, chị H cho hai bên nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, giao con chung Hoàng Trọng Duy K1 cho anh C nuôi dưỡng và giao con Hoàng Trọng Minh K cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau.

Đối với các nội dung khác không có kháng cáo, bị kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị theo quy định.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, áp dụng đúng quy định của pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phát sinh tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở và hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của chị Trần Thị H, sửa về phần quan hệ con cái của bản án sơ thẩm, giao con chung Hoàng Trọng Duy K1 cho anh Hoàng Trọng C nuôi dưỡng và giao con Hoàng Trọng Minh K cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau; các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên toà là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 227, 228 khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự;

I. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị H. Sửa bản án sơ thẩm số 55/2026/HNGĐ-ST ngày 07/4/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7, Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh **Hoàng Trọng C** và chị **Trần Thị H**.

[2] Về quan hệ con chung: Giao con chung là cháu **Hoàng Trọng Minh K**, sinh ngày 26/01/2020 cho chị **Trần Thị H** nuôi dưỡng; giao con chung là cháu **Hoàng Trọng Duy K1**, sinh ngày 05/02/2021 cho anh **Hoàng Trọng C** nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau; các bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết theo quy định của pháp luật

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh **Hoàng Trọng C** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

II. Về án phí phúc thẩm: Chị **Trần Thị H** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, trả lại cho chị **Trần Thị H** số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp tại Biên lai số 0002518 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 14/9/2026.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Hưng Yên
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Duy Luân